

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HS-ST
Ngày 24 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;

Bà Bùi Thị Bích Liên;

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Cao Văn T, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1990 tại xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Nguyễn Thị D và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2020, "có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn T: Bà Văn Thị Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư 99 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu tập thể Trường Trung cấp kỹ thuật tăng thiết giáp, thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

2. Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Đăng H: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng luật sư Thịnh Hưng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Kiều Quang H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Văn L, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, "vắng mặt".

2. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Đ1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

3. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 (vợ bị cáo T); nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều không có khả năng trả nợ nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến đầu năm 2019 Cao Văn T đã thực hiện các hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các vụ án cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Khoảng giữa tháng 6/2018, Cao Văn T nhờ anh Phạm Văn M đưa đến gặp anh Nguyễn Trọng H để đặt vấn đề thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Inova, màu sơn trắng, biển kiểm soát 30N – 0252 làm phương tiện đi lại. Xe ô tô của ông Nguyễn Văn S, là chủ ruột của anh H; ông S giao cho anh H sử dụng làm phương tiện cho thuê xe tự lái. Anh H đồng ý cho T thuê xe, hai bên không làm hợp đồng thuê xe mà thỏa thuận miệng giá thuê xe là 500.000 đồng/01 ngày, thời gian thuê là 03 ngày, không phải đặt cọc, thanh toán tiền khi trả xe. Sau khi thỏa thuận, anh H giao xe ô tô biển kiểm soát 30N- 0252 kèm theo giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định và giấy bảo hiểm xe cho T. Hết thời hạn 03 ngày T đến trả tiền và thuê tiếp 10 ngày, hết thời hạn 10 ngày T đến trả tiền và thuê tiếp 30 ngày. Quá trình sử dụng do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh H bằng hình thức bán cho người khác. Sau đó T đến gặp anh Kiều Quang H nói chiếc xe biển kiểm soát 30N-0252 là của T và bán cho anh H với giá 200.000.000 đồng. T viết giấy bán xe, giao xe ô tô kèm theo giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm của xe cho anh H. Khoảng cuối tháng 8/2019 anh H đến Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội để làm thủ tục sang tên thì gặp 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch làm dịch vụ đăng ký xe thuê) thỏa thuận với anh H sẽ làm thủ tục sang tên cho anh H với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, nam thanh niên đưa lại cho anh H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 602790, do phòng Cảnh sát giao thông - Công an Hà Nội cấp ngày 07/9/2019 kèm theo biển kiểm soát xe 30F - 922.73. Ngày 21/11/2019 anh H cho Nguyễn Nghĩa Lưu, ở tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên thuê với giá là 24.000.000 đồng/01 tháng để kinh doanh vận tải.

Hết thời hạn thuê xe không thấy T trả xe và tiền thuê xe nên anh H đã đến nhà tìm nH không gặp và không liên lạc được với T. Anh H liên hệ với chị Nguyễn Thị D thì chị D đã chuyển khoản cho anh H số tiền 15.000.000 đồng để trả tiền thuê xe thay cho T. Sau đó anh H viết đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên. Ngày 13/5/2020, khi anh Lưu đang sử dụng chiếc xe ô tô trên thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên phát hiện, tạm giữ.

Qua xác minh xác định phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội đã làm thủ tục cấp đổi đăng ký xe ô tô từ biển kiểm soát 30N – 0252 mang tên ông Nguyễn Văn Sâm sang biển kiểm soát 30F- 922.73 mang tên Kiều Quang H, trong hồ sơ đề nghị cấp đổi đăng ký xe có 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 30N – 0252 giữa ông Nguyễn Văn Sâm và vợ là bà Lữ Thị Kim Dung với anh Kiều Quang H, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nam Trực, địa chỉ: số 176 Quán Chiền, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ngày 23/6/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Văn Sâm, bà Lữ Thị Kim Dung và anh Kiều Quang H. Ngày 29/7/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 1886A kết luận chữ ký, chữ viết của ông Sâm, bà Dung, anh H tại các bản tự khai so với chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 14/8/2019 tại Văn phòng công chứng Nam Trực không phải do cùng một người ký, viết ra.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Văn phòng công chứng Nam Trực cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh Kiều Quang H và ông Nguyễn Văn Sâm, bà Lữ Thị Kim Dung ngày 14/8/2019 nH Văn phòng công chứng Nam Trực không cung cấp được với lý do bị thất lạc hồ sơ.

Ngày 16/12/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả cho ông Nguyễn Văn Sâm xe ô tô nhãn hiệu Inova, màu sơn trắng.

Tại bản kết luận định giá số 51 ngày 27/5/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Inova, biển kiểm soát 30N-0252 trị giá là 195.000.000 đồng.

2. Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân nên từ ngày 06/3/2018 Cao Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối là nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Đăng H (anh H là cậu họ của chị D). Khi vay tiền T nói với anh H là để kinh doanh, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng và để tạo lòng tin của anh H đối với mình, T đã nhiều lần vay rồi lại trả, số tiền trả cho anh H lúc thì T đi vay người khác lúc thì T lấy chính số tiền anh H đưa để trả cho anh H. Do anh H là chỗ người nhà chị D nên khi vay tiền T không phải thế chấp tài sản mà chỉ đem tài sản là ô tô hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến để anh H xem là T có khả năng trả nợ sau đó T lại đem về (xe ô tô và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T đem cho anh H xem T đều mượn của người khác, hiện T không nhớ là xe nào, giấy CNQSDĐ nào, mượn của ai). Đến ngày 03/6/2018 thì T đã vay anh H tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng, khi đó

anh H yêu cầu cả T và chị D phải viết giấy cam kết trả nợ, T bảo chị D đến nhà anh H viết giấy cam kết nội dung vợ chồng T vay của anh H 1.550.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là sau 3 tháng. Đến ngày 11/6/2018 T tiếp tục vay của anh H số tiền 500.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 10/2018 do bị anh H đòi tiền nhiều lần nH không có khả năng trả nên T đã nói dối anh H là T đang có 02 thửa đất nông nghiệp ở xã Đạo Đức, Bình Xuyên, T sẽ sang tên cho H để trả nợ, anh H đồng ý. T đọc cho chị Nguyễn Thị D viết 02 tờ giấy cam kết đều ghi ngày 11/6/2018 trong đó 01 giấy cam kết nội dung vợ chồng T D vay anh H số tiền 500.000.000 đồng (do thời điểm T vay tiền ngày 11/6/2018 chưa viết giấy cam kết) và 01 giấy cam kết (T đưa 01 tờ giấy A4 có sẵn chữ ký và chữ viết họ tên “Vũ Thị C” cho chị D) viết nội dung bà C chuyển nhượng đất nông nghiệp thửa đất số 160¹, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thửa đất khu Dọc Quai Vạc, Đạo Đức, Bình Xuyên, diện tích 2122m² và thửa đất số 150¹, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất xứ Đầm Ao, Đạo Đức, Bình Xuyên, diện tích 2808m² cho anh H, đồng thời T đưa cho anh H giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 160¹ (là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, diện tích thửa đất này T mua chung với bà C, sau đó do T nợ tiền bà C nên hai bên thỏa thuận thửa đất này là của bà C), T nói với anh H là 02 thửa đất trên khi mua T nhờ bà C đứng tên nên viết là bà C chuyển nhượng cho anh H, anh H đồng ý. Sau đó T tiếp tục vay tiền anh H làm nhiều lần, đến ngày 28/12/2018 thì T còn nợ anh H số tiền là 3.370.000.000 đồng.

Do không có tiền trả anh H nên T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để gán nợ cho anh H và lừa lấy thêm tiền của anh H, vì vậy T đã lên mạng tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó qua Zalo T liên hệ và đặt mua 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 12.000.000 đồng, T gửi thông tin họ tên, ngày tháng, năm sinh, số căn cước công dân, địa chỉ của anh Nguyễn Đăng H và thông tin về 02 thửa đất. Khoảng một tuần sau T nhận được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ 26, diện tích 2756,4m² ở khu Dọc Quai Vạc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên anh Nguyễn Đăng H ghi Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/12/2018 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ 19, diện tích 302,1m² ở thôn Thành Công, xã Chấn H, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đứng tên anh Nguyễn Đăng H ghi Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 26/12/2018 qua đường chuyển phát nhanh của Viettel Post Bình Xuyên chuyển đến và T thanh toán tiền cho nhân viên chuyển phát nhanh.

Trước đó để anh H tin việc T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H là thật, T đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất có thông tin nêu trên cho anh H, sau đó hẹn anh H đến Văn phòng công chứng ATK và Văn phòng công chứng Phạm Dương Đứng, tại đây T đưa anh H hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà T đã lập sẵn để anh H ký vào hợp đồng rồi bảo anh H về trước. Sau khi anh H về T cũng về luôn mà không gửi tài liệu gì cho Văn phòng công chứng để thực hiện việc công chứng. Khoảng một tuần sau T gặp anh H và nói dối anh H là đã làm xong thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất cho anh H

như đã thỏa thuận, đồng thời T đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ 26, diện tích 2756,4m² ở khu Dọc Quai Vạc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên anh Nguyễn Đăng H ghi Sổ tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/12/2018 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ 19, diện tích 302,1m² ở thôn Thành Công, xã Chấn H, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đứng tên anh Nguyễn Đăng H ghi Sổ tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 26/12/2018 cho anh H. T bảo anh H là trừ vào khoản nợ 3.370.000.000 đồng, sau đó T bảo giá trị thực tế của 02 thửa đất trên cao hơn so với số tiền mà T nợ anh H nên anh H phải đưa thêm cho T 490.000.000 đồng, anh H đồng ý và đã đưa thêm cho T số tiền 490.000.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của anh H là 3.860.000.000 đồng.

3. Đối với hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Đầu năm 2019, Cao Văn T tiếp tục liên lạc với tài khoản Zalo đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần trước để đặt làm thêm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Cao Văn T và Nguyễn Thị D, T gửi thông tin họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số căn cước công dân của T và chị D, địa chỉ thửa đất. Khoảng một tuần sau T đã nhận được 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trong đó có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng là số CL329539, thửa đất số 469, tờ bản đồ 93, địa chỉ thửa đất Khu Miếu Thượng, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 97,5 m² (là thửa đất A6, tờ bản đồ QH-Miếu Thượng), ghi cấp ngày 21/6/2018 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CL329596, thửa đất số 469, tờ bản đồ 93, địa chỉ thửa đất Khu Miếu Thượng, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 97,5 m² (là thửa đất A3, tờ bản đồ QH-Miếu Thượng), ghi cấp ngày 22/8/2018 qua dịch vụ chuyển phát nhanh của Viettel Post Bình Xuyên, T thanh toán tiền cho nhân viên chuyển phát nhanh. Sau đó T đã sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên như sau:

Khoảng tháng 3/2019 T đến gặp và đưa cho anh Nguyễn Đăng H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL329539, thửa đất số 469, tờ bản đồ 93, địa chỉ thửa đất Khu Miếu Thượng, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 97,5 m² (là thửa đất A3, tờ bản đồ QH-Miếu Thượng), ghi cấp ngày 21/6/2018 để hỏi vay tiền của anh H. Do không còn tiền nên anh H nói để anh H gom tiền khi nào có sẽ cho T vay, T bảo anh H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T khi nào gom được tiền thì cho T vay. Anh H đồng ý giữ lại, sau đó anh H vẫn chưa có tiền cho T vay.

Cũng trong thời gian trên T đến gặp anh Kiều Quang H đưa cho anh H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL329539, thửa đất số 469, tờ bản đồ 93, địa chỉ thửa đất Khu Miếu Thượng, TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, diện tích 97,5 m² (là thửa đất A6, tờ bản đồ QH-Miếu Thượng), ghi cấp ngày 21/6/2018 và 01 GCNQSDĐ số CL329596, thửa đất số 469, tờ bản đồ 93, địa chỉ thửa đất Khu Miếu Thượng, thị trấn Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, diện tích 97,5 m² (là thửa đất A3, tờ

bản đồ QH-Miếu Thượng), ghi cấp ngày 22/8/2018 và nhờ anh H thế chấp vay tiền hoặc bán cho người khác với giá 450.000.000 đồng/thửa giúp T, anh H đồng ý nhưng vẫn chưa thế chấp cho ai để vay tiền cũng như chưa bán cho ai, sau đó do có sự nghi ngờ về 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên anh H đem đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc để kiểm tra. Qua kiểm tra Văn phòng đăng ký đất đai nghi ngờ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là giả nên đã giữ lại để xác minh. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Sau khi nhận 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ T, anh Nguyễn Đăng H đã đến UBND thị trấn Hương Canh để kiểm tra thửa đất có thông tin theo giấy CNQSDĐ số CL329539 và đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Tường để kiểm tra thông tin thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 329602 (đều đứng tên Nguyễn Đăng H). Khi kiểm tra UBND thị trấn Hương Canh và Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Tường nghi ngờ là giả nên đã giữ lại để xác minh. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Anh H đã làm đơn trình báo và giao nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 160¹ đứng tên ông Vũ Văn Miện và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 329539 đứng tên Cao Văn T và Nguyễn Thị D cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian này anh H cũng đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị điều tra làm rõ, xử lý hành vi vi phạm pháp luật của Cao Văn T.

Đối với 5 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đăng H đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc 02 tờ giấy cam kết vay tiền, trong đó có 01 tờ đề ngày 03/6/2018 và đề ngày 11/6/2018 và 01 tờ giấy cam kết về việc chuyển nhượng đất đề tên Vũ Thị C, đề ngày 11/6/2018.

Đối với 01 tờ giấy cam kết về việc chuyển nhượng đất đề tên Vũ Thị C, quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 5/2018 anh Kiều Quang H nhờ T mua đất nông nghiệp tại Đạo Đức, Bình Xuyên. Sau đó T thỏa thuận mua thửa đất số 150⁻¹, tờ bản đồ số 14 diện tích 2808m² (đất nông nghiệp) ở xứ Đàm Ao, Đạo Đức, Bình Xuyên, với giá 420.000.000 đồng của gia đình bà Vũ Thị Hỷ, T báo lại với anh H giá thửa đất là 800.000.000 đồng thì anh H đồng ý mua, anh H đưa cho T 800.000.000 đồng và nhờ T đứng ra làm thủ tục mua thửa đất này. Theo quy định thì đất nông nghiệp chỉ được phép chuyển nhượng cho người ở địa phương nên T đã nhờ bà Vũ Thị C (là người ở xã Đạo Đức) đứng tên làm hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 11/6/2018 bà C đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với gia đình bà Hỷ, T đưa bà C số tiền 310.000.000 đồng để bà C trả cho gia đình bà Hỷ và T còn nợ lại số tiền 110.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong, T đưa 01 tờ giấy A4 để trống chưa có nội dung gì bảo bà C ký và ghi họ tên vào góc phía dưới bên phải của mặt giấy rồi đưa lại cho T để khi nào

cần T sẽ sử dụng. Khi ở nhà anh H, T đã bảo chị D viết nội dung bà C chuyển nhượng đất cho anh H vào tờ giấy này. Còn đối với thửa đất T mua của gia đình bà Hỷ cho anh Kiều Quang H, sau đó T bảo bà C ký cam kết chuyển nhượng lại cho anh H bằng một tờ giấy khác và ngày 03/9/2018 bà C ký hợp đồng chuyển nhượng lại diện tích đất mua của bà Hỷ cho anh Kiều Quang H.

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKS-P1 ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Cao Văn T về các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Văn T phải chấp hành chung của cả ba tội là từ 20 năm đến 21 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Cao Văn T và chị Nguyễn Thị D phải trả cho anh Nguyễn Đăng H số tiền là 2.050.000.000 đồng; buộc Cao Văn T phải trả cho anh Nguyễn Đăng H số tiền 1.810.000.000 đồng và trả cho anh Kiều Quang H số tiền 200.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho bà Vũ Thị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 806044, thửa đất số 160¹, diện tích 2122m² ở khu Dọc Quai Vạc, Đạo Đức, Bình Xuyên đứng tên ông Vũ Văn Miện.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Cao Văn T tuy vắng mặt tại phiên tòa, nH trong bản bào chữa cho bị cáo gửi trước cho Tòa án người bào chữa khẳng định Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Đồng tình với Cáo trạng truy tố bị cáo T về mặt tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đưa ra mức hình phạt đúng người, đúng tội. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã lừa đảo của anh Nguyễn Đăng H tổng số tiền là 3.860.000.000 đồng.

Bị hại anh Nguyễn Đăng H nhất trí với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, anh trình bày ý kiến bổ sung: Trong giấy vay nợ khoản tiền 2.050.000.000 đồng có vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị D cùng ký vào giấy vay tiền của anh, vì vậy anh đề nghị bị cáo T và vợ của bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh khoản tiền 2.050.000.000 đồng; còn đối với khoản tiền 1.810.000.000 đồng mà bị cáo T một mình đứng vay anh, anh yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh. Ngoài ra, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D trình bày thừa nhận có ký vào 02 giấy vay tiền của anh H cùng với Cao Văn T tổng cộng số tiền là 2.050.000.000 đồng; tuy nhiên chị không được sử dụng số tiền này, không biết Cao Văn T sử dụng vào mục đích gì và không biết việc bị cáo T có ý thức chiếm đoạt số tiền này. Chị đồng ý sẽ cùng với Cao Văn T trả cho anh H số tiền 2.050.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Quá trình chuẩn bị xét xử chị đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự Vĩnh Phúc số tiền 10 triệu đồng để khắc phục cho anh Nguyễn Đăng H nên đề nghị Tòa xác nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị C trình bày sự việc xảy ra như lời trình bày của bà trong quá trình điều tra là đúng. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T806044, thửa đất số 160¹, diện tích 2122m² ở khu Dọc Quai Vạc, Đạo Đức, Bình Xuyên đứng tên ông Vũ Văn Miện, ngoài ra bà không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Bị hại anh Nguyễn Trọng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kiều Quang H tuy vắng mặt tại phiên tòa nH quá trình điều tra anh H, anh H đã trình bày sự việc xảy ra như lời trình bày của anh trong quá trình điều tra là đúng. Tài sản mà bị cáo T lạm dụng tín nhiệm rồi chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Sâm, anh H không có ý kiến đề nghị gì khác. Anh Kiều Quang H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bán xe cho anh là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người T hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người T hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tuy người bào chữa cho bị cáo Cao Văn T theo sự chỉ định của Cơ quan T hành tố tụng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nH đã có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời đã gửi trước bản bào chữa cho Tòa án và bị cáo cũng đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt người bào chữa theo quy định khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Cao Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2019, bị cáo đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô của anh Nguyễn Trọng H, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 3.860.000.000 đồng của anh Nguyễn Đăng H và làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các vụ án cụ thể như sau:

[3.1] Vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Tháng 6/2018, Cao Văn T thuê xe ô tô biển kiểm soát 30N– 0252 của anh Nguyễn Trọng H để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng giữa tháng 7/2018, do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô. T đã bán chiếc xe ô tô thuê của anh H cho anh Kiều Quang H được 200.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận chiếc xe ô tô có trị giá là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

[3.2] Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân nên Cao Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đăng H là cậu họ của vợ T bằng hình thức dùng thủ đoạn gian dối đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản là xe ô tô mà T mượn của người khác để anh H tin tưởng T có khả năng trả nợ; đồng thời T còn đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa dối bán đất cho anh H để chiếm đoạt tiền. Với phương thức, thủ đoạn như trên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2019 Cao Văn T đã nhiều lần vay, bán đất để chiếm đoạt của anh Nguyễn Đăng H tổng số tiền là 3.860.000.000 đồng (Ba tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

[3.3] Vụ án Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức: Do không có tiền để tiêu sài và trả nợ, Cao Văn T đã 2 lần đặt làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đăng H, 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Văn T và Nguyễn Thị D của 01 đối tượng không biết tên, tuổi, địa chỉ thông qua mạng xã hội Zalo. Để làm giả được các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, T đã cung cấp thông tin về họ, tên, ngày tháng, năm sinh, số căn cước công dân của T, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Đăng H và địa chỉ thửa đất cho đối tượng làm giả. Sau khi nhận được 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, T đã sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Đăng H để chiếm đoạt tổng số tiền là 3.860.000.000 đồng của anh H, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CL329539 thửa đất số 469, tờ bản đồ số 93 tại khu Miếu Thượng – thị trấn Hương Canh, diện tích 97,5m² T đưa cho anh H để vay tiền NH anh H chưa có tiền cho T. T đưa cho anh Kiều Quang H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CL329539 và CL329596 cùng thửa đất số 469, tờ bản đồ số 93 tại khu Miếu Thượng – thị trấn Hương Canh, diện tích 97,5m² để nhờ anh H cầm cố vay tiền hoặc bán giúp T, NH chưa kịp bán.

[4] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định, định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Hành vi thuê xe ô tô sau đó bán cho người khác để chiếm đoạt số tiền 195.000.000 đồng của Cao Văn T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 điều 175 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền vay là 3.860.000.000 đồng của Cao Văn T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Hành vi nhiều lần làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cao Văn T đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, c khoản 2 điều 341 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

[5] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo; khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy trước khi phạm tội bị cáo có nhân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã phạm tội nhiều lần và phạm ba tội khác nhau, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn và chưa khắc phục hậu quả. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, đấu tranh với các loại tội phạm này.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu của anh Kiều Quang H về việc đòi lại số tiền 200.000.000 đồng đã trả cho Cao Văn T khi mua xe ô tô là hợp pháp, được chấp nhận.

Tại phiên tòa giữa bị cáo Cao Văn T, bị hại Nguyễn Đăng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D đều thừa nhận trong tổng số

3.860.000.000 đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt của anh H thì chị D có ký vào giấy vay tiền cùng với bị cáo Tiền với số tiền là 2.050.000.000 đồng, còn lại là do T vay, không liên quan đến chị D. Các bên đều thống nhất thỏa thuận vợ chồng chị Nguyễn Thị D và bị cáo Cao Văn T sẽ có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 2.050.000.000 đồng, còn bị cáo T sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 1.810.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp nên được chấp nhận. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc để khắc phục một phần hậu quả cho anh Nguyễn Đăng H.

[8] Về vật chứng:

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 160¹, tờ bản đồ số 4 ở khu Dọc Quai Vạc, Đạo Đức, Bình Xuyên, diện tích 2122 m² đứng tên ông Vũ Văn Miện: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định ngày 05/6/2018 ông Miện đã chuyển nhượng cho Cao Văn T và bà Vũ Thị C với giá 600.000.000 đồng nH thời điểm đó T không có đủ tiền nên chỉ đưa cho bà C số tiền 100.000.000 đồng để trả cho gia đình ông Miện còn bà C trả cho ông Miện 500.000.000 đồng. Sau khi mua bán xong ông Miện giao cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C đưa cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn bà C giữ hợp đồng chuyển nhượng đất. Do T không có tiền trả cho bà C như thỏa thuận và trước đó T còn nợ tiền bà C nên T và bà C thỏa thuận diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng riêng của bà C. Việc thỏa thuận giữa bị cáo và bà C là hợp pháp, không có dấu hiệu của việc tẩu tán tài sản nên cần trả lại cho bà Vũ Thị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị D là người đã viết 02 tờ giấy cam kết vay tiền và 01 tờ giấy cam kết về việc bà Vũ Thị C chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Đăng H, quá trình điều tra xác định việc chị D viết các giấy cam kết nêu trên đều do T đọc cho chị D viết, việc T vay tiền của anh H và sử dụng tiền cụ thể như thế nào chị D không biết. Vì vậy chị D không đồng phạm với bị cáo T và Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[10] Đối với anh Kiều Quang H là người mua xe ô tô biển kiểm soát 30N-0252 từ Cao Văn T, quá trình điều tra xác định khi bán xe, T nói với anh H là xe do T mua lại và có đầy đủ giấy tờ xe là bản gốc. Anh H không biết chiếc xe bị cáo T bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[11] Đối với bà Vũ Thị C là người viết tên trên tờ giấy cam kết về việc chuyển nhượng đất nông nghiệp cho anh Nguyễn Đăng H. Quá trình điều tra xác định T đưa cho bà C 01 tờ giấy A4 bảo bà ký và ghi rõ họ tên trước để sau này T sẽ điền thông tin về việc chuyển nhượng đất thửa đất số 150⁻¹ (là thửa đất T mua giúp anh Kiều Quang H rồi nhờ bà C đứng ra làm hợp đồng chuyển nhượng), bà C không biết T sử dụng tờ giấy này để điền thông tin về việc chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Đăng H. Vì vậy bà C không đồng phạm với T.

[12] Đối với người đã bán 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cao Văn T, T khai không gặp trực tiếp mà chỉ thỏa thuận việc mua bán qua mạng Zalo,

chiếc điện thoại cài đặt tài khoản Zalo, T đã bán vào khoảng giữa năm 2019, khi bán điện thoại T đã xóa bỏ tài khoản Zalo nêu trên. Mặt khác sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua dịch vụ chuyển phát nhanh Viettel Post T đều không lưu giữ các hóa đơn bưu kiện. Do vậy Cục chuyển phát nhanh Viettel Post Bình Xuyên không có căn cứ để tra cứu nhằm xác định thông tin liên quan đến người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với phần nghĩa vụ mà bị cáo và vợ của bị cáo phải thực hiện (4.050.000.000 đồng) với số tiền là 112.050.000 đồng [112.000.000 đồng + (0,1% x 50.000.000 đồng)].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 03 (Ba) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 15 (Mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 (Hai) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của cả ba tội buộc bị cáo Cao Văn T phải chấp hành 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Cao Văn T phải trả cho anh Kiều Quang H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Cao Văn T phải trả cho anh Nguyễn Đăng H số tiền 1.810.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Cao Văn T cùng vợ là chị Nguyễn Thị D phải trả cho anh Nguyễn Đăng H số tiền 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo Cao Văn T và chị Nguyễn Thị D đã nộp được số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lai số 0003795 ngày 15/12/2021. Bị cáo Cao Văn T và chị Nguyễn Thị D còn phải trả cho anh Nguyễn Đăng H số tiền 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trả lại cho bà Vũ Thị C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T806044 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp ngày 03/11/2000 mang tên ông Vũ Văn Miện, hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc đang giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 16 tháng 9 năm 2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 112.050.000 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Danh

